

Biến đổi văn hóa ở các tộc người thiểu số khu vực biên giới Việt Nam - Lào trong quá trình phát triển và hội nhập

Lê Thị Hường^(*)

Tóm tắt: *Biến đổi văn hóa của các tộc người thiểu số ở vùng biên là một xu thế khó tránh khỏi trong quá trình phát triển và hội nhập vài thập niên gần đây, trong đó có đời sống văn hóa của các tộc người thiểu số Việt Nam ở khu vực biên giới với Lào. Thời gian qua, nhiều nghiên cứu đã góp phần làm rõ những biến đổi văn hóa của các tộc người thiểu số của Việt Nam ở vùng biên giới Việt Nam - Lào do ảnh hưởng qua lại giữa các tộc người xen cư, cộng cư trong vùng và xuyên biên giới,... nhấn mạnh đến việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần truyền thống của các tộc người này trong bối cảnh hiện nay. Bài viết tổng quan một số nghiên cứu nổi bật về biến đổi văn hóa ở các tộc người thiểu số thuộc vùng biên giới Việt Nam - Lào vài thập niên gần đây, trên cơ sở đó chỉ ra những khoảng trống nghiên cứu và đề xuất định hướng nghiên cứu trong thời gian tới.*

Từ khóa: Biến đổi văn hóa, Dân tộc thiểu số, Biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam

Abstract: *In the last few decades, cultural change of ethnic minorities in the border areas in general, of those living in the border between Vietnam and Laos in particular, has become inevitable in the development and integration process. Several studies have contributed to identifying cultural changes of ethnic minorities therein due to the mutual impacts among interspersed ethnic groups in the region and across the border. The preservation and promotion of traditional material and spiritual cultural values of these ethnic groups in the current context are emphasized as well. The paper provides an literature review of this subject over the past decades, from which indicating a research gap and proposing some orientations in the coming future.*

Keywords: Cultural Change, Ethnic Minorities, Vietnam-Laos Border, Vietnam

1. Mở đầu

Vùng biên giới Việt Nam - Lào là nơi cư trú lâu đời của hơn 20 tộc người thiểu số thuộc các nhóm ngôn ngữ khác nhau, trải dài

trên 10 tỉnh (Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Kon Tum). Hầu hết các tộc người này đều có quan hệ tộc người xuyên biên giới. Trong bối cảnh phát triển, đổi mới và hội nhập hiện nay, địa bàn biên giới này đã và đang có nhiều sự

^(*) ThS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: lehuongvdth@gmail.com

biến đổi sâu sắc về mọi mặt so với trước đây, nhất là về văn hóa. Trải qua quá trình tụ cư và phát triển, các tộc người ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào đã tạo dựng các giá trị văn hóa riêng. Tuy nhiên, do những yếu tố khách quan và chủ quan, các tộc người thiểu số nơi đây đã có sự chuyển cư qua lại hai bên biên giới và duy trì mối quan hệ đồng tộc xuyên biên giới, dẫn đến giao thoa văn hóa và đa dạng văn hóa.

Do có vai trò và vị trí đặc biệt trong phát triển đất nước, vài thập niên qua, các tộc người sinh sống ở vùng biên giới Việt Nam - Lào đã được các nhà khoa học nói chung, các nhà dân tộc học nói riêng dành nhiều thời gian và công sức nghiên cứu trên các phương diện của đời sống tộc người, trong đó có đời sống văn hóa. Số lượng các công trình này tương đối nhiều, phong phú và đa dạng về chủng loại, theo thống kê sơ bộ của chúng tôi có hơn 140 công trình. Tuy vậy, những nghiên cứu về biến đổi văn hóa tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào còn khá ít.

2. Một số biến đổi văn hóa của các tộc người thiểu số của Việt Nam ở vùng biên giới Việt Nam - Lào qua các nghiên cứu

Vài thập niên gần đây, cùng với việc giới thiệu bức tranh văn hóa truyền thống và các giá trị văn hóa đặc trưng, có thể thấy một số nghiên cứu đã chú trọng giới thiệu những biến đổi văn hóa của các tộc người thiểu số cư trú ở vùng biên giới Việt Nam - Lào trong quá trình phát triển và hội nhập. Những biến đổi văn hóa có thể nói là phổ biến, đa dạng, phong phú và theo những mức độ khác nhau ở các vùng, các dân tộc khác nhau, bao gồm biến đổi văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Điểm chung dễ nhận thấy là những biến đổi văn hóa được các nhà nghiên cứu lồng ghép phân tích trong các nghiên cứu giới thiệu bức tranh

văn hóa và đặc điểm văn hóa các tộc người thiểu số ở vùng biên giới.

a) Biến đổi trong văn hóa vật chất

Những biến đổi trong văn hóa vật chất của các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Lào thể hiện rõ nét ở những biến đổi về nhà cửa, trang phục và ẩm thực.

Về nhà cửa: Theo các nghiên cứu của Trần Văn Bính (2006), Phạm Quang Hoan (2013), Vương Xuân Tình (2014),... biến đổi về nhà cửa diễn ra nhanh chóng và phổ biến ở các tộc người thiểu số vùng biên giới với Lào ở miền Trung (Nghệ An, Quảng Trị,...), có phần chậm hơn miền Bắc. Nghiên cứu của Vi Văn An (2017) đã chỉ rõ, ngôi nhà sàn truyền thống của người Thái ở miền Tây Nghệ An hiện nay ít nhiều chịu ảnh hưởng theo kiến trúc nhà của người Mường. Tuy nhiên, điểm khác biệt và độc đáo là nhà của người Thái ở vùng biên giới thuộc các huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Phong (tỉnh Nghệ An) có điểm khác biệt trang trí bằng *khau cút* hình đầu con hổ ở đầu nóc hồi phía trước. Bộ phận người Thái ở Kỳ Sơn lại trang trí nhà ở hai đầu nóc bằng *khau cút* hình voi voi.

Ở các tộc người cư trú tại vùng biên giới Việt Nam - Lào thuộc miền Trung, nhà cộng đồng (nhà Rông, nhà Gươl, nhà Moong), nhà mồ và tượng nhà mồ biến đổi theo hướng hoặc bê tông hóa hoặc đơn giản hóa, không còn giữ lại được kiến trúc, bản sắc và chức năng truyền thống. Theo các xu hướng biến đổi này, hiện nay ngôi nhà sàn của người Chứt chuyển sang kiểu nhà trệt xây bằng gạch, lợp mái fibro xi măng giống của người Kinh trong vùng (Viện Dân tộc học, 2014a).

Với người Mảng, quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc và các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở của Nhà nước đối với tộc người này là những nguyên nhân dẫn đến biến đổi loại hình,

kết cấu ngôi nhà truyền thống. Theo đó, kiến trúc nhà hiện nay theo kiểu nhà sàn Thái, có hai cầu thang, nhà rộng hơn nhà truyền thống, cách bố trí buồng ngủ cũng khác so với trước. Bên cạnh đó còn có thêm kiểu nhà trệt giống của người Kinh và nhà cấp bốn do Nhà nước xây dựng. Nhà ở của người Mảng hiện nay đã nhanh chóng biến đổi theo hướng đa dạng hóa kiểu dáng, kết cấu và vật liệu xây dựng (Trần Thị Hồng Yến, 2017: 1124).

Nghiên cứu của Viện Dân tộc học (2014b) cho thấy, nhà truyền thống của người Tà-ôi được thay thế bằng kiểu nhà hiện đại, nguyên vật liệu mới và các nghi lễ truyền thống khi xây dựng nhà không còn được thực hiện. Ở người Brâu¹, kể từ khi các cửa khẩu quốc tế và khu thương mại Bờ Y (tỉnh Kon Tum) đi vào hoạt động, văn hóa của người Brâu chịu sự tác động mạnh của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với các cộng đồng trong khu vực, quốc gia và xuyên biên giới, khiến văn hóa tộc người này đứng trước những thách thức mới. Từ ngôi nhà sàn truyền thống, hiện nay người Brâu đã chuyển sang nhà trệt dạng ống và mọi nghi thức sinh hoạt trong nhà của đồng bào cũng thay đổi theo (Nguyễn Thị Ngân, Tô Thị Thu Trang, 2009).

Như vậy, có thể thấy ngôi nhà truyền thống của hầu hết các tộc người ở vùng biên giới này đã được biến đổi theo xu thế phổ biến hiện tại. Bên cạnh ngôi nhà sàn, nhà nửa sàn nửa đất truyền thống là sự xuất hiện và ngày càng phổ biến của loại hình nhà trệt cấp bốn hoặc kiên cố học hỏi từ người Kinh trong vùng. Một số tộc người

vẫn duy trì một số nghi lễ truyền thống trong việc xây dựng nhà, đảm bảo phần nào đó kiến trúc cổ truyền nhưng gia tăng sự kiên cố, khang trang hơn cho ngôi nhà.

Về trang phục: Trang phục, trang sức truyền thống của các tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào ngày càng bị mai một. Toàn cầu hóa và hội nhập làm gia tăng hàng hóa thông qua thương mại và trao đổi dịch vụ nên vải vóc công nghiệp, quần áo, khăn, túi,... được bày bán nhiều ở các chợ với mẫu mã phong phú, hoa văn sắc sảo đã thu hút nhiều tộc người, trong đó có người Thái (Lê Hải Đăng, 2019). Hiện nay, hầu như chỉ còn thế hệ trung niên và người già mặc trang phục truyền thống, thế hệ trẻ thường chỉ sử dụng trong các dịp lễ tết, các sự kiện,... thay thế vào đó là sự phổ biến của các loại trang phục, trang sức phổ thông học hỏi từ người Kinh. Nguyên liệu dệt y phục truyền thống từ lanh, bông thay thế bằng sợi công nghiệp mua tại các chợ trong vùng (Lê Ngọc Thắng, 1988; Viện Dân tộc học, 2014a; Phạm Quang Hoan, 2013; Vương Xuân Tình, 2014,...).

Một số tộc người tuy còn giữ được trang phục truyền thống nhưng cũng đã thay đổi chất liệu vải do nghề dệt thủ công không còn, họ tự mua vải công nghiệp để may, thêu do vừa rẻ vừa đẹp lại rất thuận tiện (người Dao, Hà Nhì, Thái, Hmông, Lào, Lự, Khơ-mú...). Một số tộc người thường mặc theo kiểu kết hợp váy truyền thống của tộc người đó với áo kiểu người Kinh được mua sẵn ở chợ (người Thái, Lào, Vân Kiều, Khơ-mú,...), đặc biệt là phụ nữ. Một số tộc người chỉ mặc trang phục truyền thống trong những dịp đặc biệt trong năm, hoặc khi sang Lào tham dự các nghi lễ gia đình và cộng đồng. Chẳng hạn, ở người Hmông, người Thái,... trang phục truyền thống ít được sử dụng, thậm chí chỉ được

¹ Brâu là một trong 5 tộc người có dân số dưới 1.000 người ở Việt Nam, di cư từ Lào sang từ lâu đời và đã đồng hóa văn hóa với các tộc người vùng biên giới ở ngã ba Việt Nam - Lào - Campuchia.

duy trì ở phụ nữ Thái trong các nghi lễ cúng mời tổ tiên về dự lễ lên nhà mới với gia đình, hay trong các dịp lễ tết, cưới xin, nghi lễ tang ma,... Thường ngày, người dân đều chuyển sang mặc trang phục giống người Kinh. Với người Tà-ôi, người Mảng, trang phục truyền thống chỉ còn được người già sử dụng, còn thế hệ trung niên và lớp trẻ đã chuyển sang mặc trang phục giống người Kinh ở địa phương (Đỗ Thị Hòa, 2008; Viện Dân tộc học, 2014a).

Có thể thấy, cũng như nhà cửa, quá trình mai một trang phục, trang sức truyền thống của các tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào ở miền Bắc (Điện Biên, Sơn La) diễn ra chậm hơn so với các tộc người ở miền Trung (Trường Sơn - Tây Nguyên).

Về ẩm thực: Văn hóa ẩm thực truyền thống của các tộc người nơi đây hiện tồn tại song hành cùng với văn hóa ẩm thực mới. Nghiên cứu của Phạm Quang Hoan (2013), Vương Xuân Tình (2014) cho thấy, mỗi tộc người ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào vẫn giữ được thực phẩm, món ăn truyền thống có giá trị bổ dưỡng và hợp khẩu vị. Cùng với các món ăn truyền thống, các món ăn của người Kinh đã xuất hiện trong các bữa ăn của các tộc người Thái, Hmông, Khơ-mú,... như giò, chả, nem trong các dịp lễ, tết, cưới xin, về nhà mới,... Nghiên cứu của Lê Mai Oanh (2010) cũng cho biết thêm, bên cạnh các món ăn với gia vị truyền thống là các món ăn phổ thông với gia vị mới ngày càng phổ biến như nước mắm, bột ngọt, bột canh, bột nêm,... Tương tự với đồ uống truyền thống như rượu cần, còn có rượu cất do người Kinh mang đến bày bán phổ biến trong các cửa hàng hay tại các chợ xã, chợ huyện, chợ vùng. Ngoài ra còn có bia hơi, bia chai và các loại nước uống đóng hộp, đóng chai có ga, nước trái cây,... Tục trồng cây thuốc lá và hút thuốc lá

bằng tàu cũng dần vắng bóng, thay vào đó người dân nơi đây chuyển sang hút các loại thuốc lá công nghiệp có đầu lọc được bán ở các cửa hàng hay chợ trong làng, trong vùng. Như vậy, quá trình biến đổi văn hóa ẩm thực diễn ra đều khắp, phổ biến và mức độ giống nhau ở các tộc người.

b) Biến đổi trong văn hóa tinh thần

Những biến đổi trong văn hóa tinh thần diễn ra ở các lĩnh vực như: tín ngưỡng, văn học dân gian, nghệ thuật dân gian, lễ hội.

Trong điều kiện mới, do thay đổi nhận thức của chủ thể văn hóa là các tộc người thiểu số cùng tác động của quá trình phát triển, hội nhập, tùy từng vùng, từng dân tộc và ở những mức độ đậm nhạt khác nhau, tín ngưỡng đa thần truyền thống đã từng bước thay đổi, niềm tin vào các đấng siêu nhiên đang phai nhạt dần ở lớp thanh niên và trung niên, chỉ còn thấy đậm nét ở lớp người già. Giao lưu hội nhập và kiến thức hiện đại khiến thanh thiếu niên ngày càng có nhận thức, hiểu biết dựa trên cơ sở khoa học hơn và thực tế hơn về môi trường, thế giới và con người. Các lễ hội phản ánh tín ngưỡng cộng đồng của các tộc người Thái, Hmông, Dao, Mường ở các tỉnh biên giới phía Bắc, của các tộc người thiểu số khác ở Trường Sơn - Tây Nguyên thuộc vùng biên giới Việt Nam - Lào đã giảm về số lượng và giản lược dần về nội dung (Bùi Ngọc Quang, 2017).

Theo các nghiên cứu của Phạm Quang Hoan (2011; 2013), Vương Xuân Tình (2014), bên cạnh sự tồn tại của hiện tượng tôn giáo mới ở một số tộc người, những thập niên gần đây, xu thế cải đạo (từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin lành) đã và đang diễn ra ngày càng phổ biến ở các tộc người, đặc biệt ở người Hmông vùng biên giới Việt Nam - Lào thuộc phía Bắc. Sự du nhập của tôn giáo mới, nhất là của đạo Tin lành cũng

là một trong những nguyên nhân dẫn đến những biến đổi mạnh mẽ trong văn hóa tinh thần truyền thống tộc người Hmông theo hướng dần mờ nhạt. Ở những nơi chịu ảnh hưởng của đạo Tin lành, như vùng người Hmông, việc tin vào các thần linh, các đấng siêu nhiên cũng giảm, thay vào đó tộc người này tin vào Chúa Giê-su; phong tục tập quán, lễ hội, văn nghệ dân gian, văn học dân gian dần biến mất. Người dân không còn ý niệm giao lưu với thần linh, các tín ngưỡng dân gian đã phai nhạt. Nghiên cứu của Nguyễn Văn Minh (2017) chỉ ra, do dân trí của các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới... thấp hơn người vùng đồng bằng nên họ dễ bị lôi kéo, lợi dụng. Phần lớn các hiện tượng tôn giáo mới đều tuyên truyền người dân không tham gia các lễ hội, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, không thực hiện các phong tục tập quán và tín ngưỡng truyền thống tộc người, kể cả tôn giáo gốc. Điều này khiến đời sống văn hóa của những đối tượng tin theo bị bó hẹp, góp phần làm mất đi giá trị văn hóa truyền thống tộc người.

Văn học dân gian (gồm các truyện cổ tích, ngụ ngôn, truyền thuyết, ca dao, đồng dao,...) của các tộc người đã và đang trong quá trình mai một, mất mát, đặc biệt là các sử thi anh hùng ca của các tộc người ở vùng biên giới này như *Đẻ đất, Đẻ nước* của người Mường, *Quăm tổ mươn*, *Sống chụ xôn xao* của người Thái, *Chương Han* của người Xinh-mun,... Sự mai một, mất mát này là do sự lấn át của các loại hình văn học mới trong nước và trên thế giới, do người dân không còn mặn mà với loại hình này, do môi trường diễn xướng và điều kiện kinh tế - xã hội đã thay đổi, quan trọng hơn nữa là do các nghệ nhân có thể nhớ và hát kể chúng đã không còn. Nghệ thuật dân gian (bao gồm dân ca, dân nhạc, dân vũ và nghệ thuật điêu khắc dân gian) cũng được

nhận định là đã và đang trong quá trình suy thoái, mai một. Nguyên nhân một phần là do môi trường sống, nhận thức của người dân dần thay đổi (Lê Mai Oanh, 2010).

Qua tổng quan các nghiên cứu (Xem: Trần Văn Bình, 2006; Phạm Quang Hoan, 2013; Vương Xuân Tình, 2014; Trần Thị Hồng Yến, 2017...), chúng tôi nhận thấy ở các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Lào đã và đang diễn ra quá trình biến đổi, mai một nhanh chóng của nghệ thuật dân gian tộc người. Tình trạng mai một của các loại hình nghệ thuật dân gian như dân ca, dân nhạc, dân vũ và nghệ thuật điêu khắc dân gian tại các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Lào diễn ra nhanh chóng, phổ biến ở miền Trung (Bru - Vân Kiều, Tà-ôi, Cơ-tu, Giê-Triêng, Xơ-đăng, Brâu,...), trong khi diễn ra chậm hơn và ít phổ biến hơn ở miền Bắc (Thái, Lào, Lự, Mường, Hmông, Dao, Xinh-mun, Kháng, Hà Nhì,...).

Dân ca, dân nhạc, dân vũ của các tộc người hầu như chỉ còn được diễn xướng trong các lễ hội mới như mừng Tết Nguyên đán, mừng Quốc khánh hay các cuộc liên hoan văn nghệ do địa phương và Nhà nước tổ chức.

Người Thái ở Nghệ An (và cả ở một số tỉnh khác) vốn nổi tiếng với điệu múa xòe, múa quạt và các làn điệu *xuôi*, *nhuôn* và *lăm*. Đến nay, ngoài múa chiêng trống, người Thái ở nơi đây còn rất ưa chuộng múa lăm vông và hát các bài hát dân ca của Lào (Vi Văn An, 2017). Tuy nhiên, đến nay các làn điệu múa truyền thống, các làn điệu dân ca chỉ thấy còn được duy trì ở những lớp người trung niên, người già. Với lớp thanh niên, các loại hình ca múa nhạc hiện đại hấp dẫn họ nhiều hơn so với ca múa nhạc dân gian. Không gian âm nhạc công chiêng của các tộc người cư trú ở vùng biên giới thuộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên (được

UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại) cũng chỉ còn tồn tại chủ yếu trên sân khấu và các lễ hội mới (Lê Mai Oanh, 2010).

Mỗi tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Lào đều có hệ thống các lễ hội cộng đồng, phản ánh quan niệm tín ngưỡng và văn hóa tộc người, trong đó chủ yếu là các lễ hội phản ánh tâm thức và tín ngưỡng nông nghiệp (như các lễ hội *Xên bản*, *Xên mường* của người Thái). Trong quá trình phát triển và hội nhập, các lễ hội cộng đồng của các tộc người biến đổi theo xu hướng giảm dần về số lượng và giản lược về nội dung thể hiện. Vật hiến sinh trong lễ hội đã thay đổi, trâu, bò, dê nhiều khi được thay bằng gia súc, gia cầm nhỏ như lợn hay gà. Tục hiến sinh đâm trâu tuy vẫn còn nhưng số lượng chỉ bằng một phần nhỏ so với trước đây. Nếu như trước đây, thời gian tổ chức lễ hội kéo dài hai, ba ngày thì đến nay chỉ thu hẹp lại trong một ngày. Một số nghi lễ và nghi thức được cắt bỏ và giản lược cho phù hợp với thời gian và nhận thức mới. Lễ bỏ mả của các tộc người thiểu số khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên thuộc vùng biên giới này chỉ còn thu hẹp trong phạm vi gia đình, dòng họ, không có quy mô lễ hội cộng đồng và liên buôn làng. Ở các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Lào, nhiều phong tục tập quán không còn phù hợp trong cuộc sống hiện đại đã dần được người dân loại bỏ, trong đó có nhiều nghi lễ trong năm gây tốn kém như lễ cầu phúc thọ, cúng ma nhà, cúng bên ngoại, cúng hồn lúa và một số nghi lễ truyền thống khác (Trần Thị Hồng Yến, 2017: 1124 -1131).

Như vậy, qua tổng quan các nghiên cứu có thể thấy, tín ngưỡng truyền thống, văn học dân gian, nghệ thuật dân gian của các tộc người thiểu số cư trú ở vùng biên giới Việt Nam - Lào đã dần bị mai một. Nhiều

loại hình văn học dân gian, nghệ thuật dân gian bị mất đi do không còn tìm thấy nghệ nhân nào để phục dựng. Các lễ hội cũng bị đơn giản hóa, có nơi không còn thiết tha với các lễ hội truyền thống... Điều này đang diễn ra ở nhiều tộc người nơi đây, điển hình là các tộc người Hmông, Dao, Xơ-đăng.

Xem xét cụ thể ở một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào cho thấy những biến đổi diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân nơi đây. Đáng chú ý là ở người Tà-ôi, các nghi lễ truyền thống đã bị suy giảm nhanh chóng, ít được thực hành, các quy trình được giản lược nhiều, những tri thức tộc người cũng đang dần mai một. Trong các làng chỉ còn số ít người già nhớ được tri thức văn hóa truyền thống. Ở người Xơ-đăng, một bộ phận người dân theo đạo Tin lành, Công giáo đã không còn tin vào vạn vật hữu linh mà chuyển sang tin vào đức Chúa Giê-su; các nghi lễ thờ cúng truyền thống dần biến mất, thay vào đó là thánh ca tiếng Xơ-đăng; các nghi lễ cộng đồng truyền thống được thay bằng các lễ Noel, Tết Nguyên đán; các nghi lễ trong gia đình cũng có nhiều biến đổi... Sự chối bỏ các giá trị văn hóa truyền thống ở lớp trẻ là nguyên nhân khiến các loại hình văn hóa dân gian bị mai một dần (Trần Hồng Thu và cộng sự, 2017: 272). Ở người Brâu hiện nay, hệ thống tín ngưỡng, lễ thức và lễ hội dân gian cũng đang dần mờ nhạt (Bùi Ngọc Quang, 2017: 1178-1188).

3. Khoảng trống nghiên cứu và gợi ý định hướng nghiên cứu trong thời gian tới

Qua tổng quan chúng tôi nhận thấy, các nghiên cứu nổi bật về biến đổi văn hóa của hơn 20 tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Lào thời gian qua đã góp phần làm sáng tỏ những biến đổi văn hóa của các tộc người trong quá trình phát triển và hội

nhập; góp phần nghiên cứu về ý thức tộc người, ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người cư trú vùng biên giới. Một số nghiên cứu đã đề xuất kiến nghị, giải pháp ban đầu nhằm bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống ở một số tộc người như Thái, Hmông, Khơ-mú, Thổ (nhóm Tày Poọng), Giê-Triêng, Mnông,... Tuy nhiên, cũng còn một số khoảng trống trong nghiên cứu về biến đổi văn hóa của một số tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Lào. *Một là*, các nghiên cứu còn tập trung vào nghiên cứu cơ bản, ít nghiên cứu ứng dụng; tập trung nhiều vào các tộc người có dân số lớn, trong khi các tộc người có dân số ít chưa được dành sự quan tâm thỏa đáng. *Hai là*, những nghiên cứu về chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Lào trong quá trình phát triển, giao lưu và hội nhập còn thưa thớt. *Ba là*, chưa có những nghiên cứu hệ thống, toàn diện, chuyên sâu và ứng dụng về văn hóa của các tộc người. *Bốn là*, thiếu vắng các nghiên cứu về xây dựng đời sống và thiết chế văn hóa mới. *Năm là*, chưa có những nghiên cứu chuyên sâu đánh giá tác động của yếu tố biên giới đến văn hóa và biến đổi văn hóa của các tộc người. Ngoài ra, một số tộc người, nhóm người có dân số ít còn chưa được quan tâm nghiên cứu thỏa đáng (như các nhóm Mày, Rục, Sách, A rem, Mã Liềng của dân tộc Chứt; Khùa, Trì, Ma Coong của dân tộc Bru - Vân Kiều), mới chỉ chú ý đến dân số và sự phát triển của tộc người như là những nghiên cứu cơ bản, tức là mới dừng ở khảo cứu sơ lược về văn hóa truyền thống mà chưa thấy nghiên cứu toàn diện về biến đổi văn hóa truyền thống và việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Từ các khoảng trống nghiên cứu nêu trên, trong thời gian tới cần triển khai các

nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống và toàn diện về văn hóa truyền thống, biến đổi văn hóa truyền thống và xây dựng chính sách bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống cũng như xây dựng đời sống văn hóa mới ở các tộc người thiểu số của Việt Nam thuộc khu vực biên giới Việt Nam - Lào (trong đó đặc biệt chú ý đến một số nhóm tộc người có dân số ít). Cụ thể cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Nghiên cứu chuyên sâu về đánh giá chính sách và việc thực hiện chính sách văn hóa ở các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Lào.

- Nghiên cứu ứng dụng về biến đổi văn hóa và xây dựng chính sách phát triển văn hóa các tộc người vùng biên giới.

- Nghiên cứu đánh giá tác động của yếu tố biên giới đến văn hóa và biến đổi văn hóa của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Lào, trong đó cần chú trọng làm sáng tỏ thực trạng hội nhập, giao lưu văn hóa và tác động của giao lưu văn hóa giữa các tộc người thiểu số cư trú ở vùng biên giới này đến văn hóa truyền thống của tộc người cũng như đời sống văn hóa của đất nước nói chung; đồng thời cần xem xét tác động trở lại của biến đổi văn hóa các tộc người thiểu số ở vùng biên giới đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội nơi đây.

- Nghiên cứu về sự biến đổi của văn hóa các tộc người thiểu số nơi đây cũng cần quan tâm đến các vấn đề quan hệ xã hội xuyên biên giới của họ như hôn nhân, di cư, xâm canh, thuê đất sản xuất...

- Nghiên cứu về xây dựng đời sống và thiết chế văn hóa mới ở các tộc người thiểu số vùng biên giới.

Quan hệ giữa các tộc người hay quan hệ tộc người xuyên quốc gia đem lại nhiều cơ hội phát triển cho các tộc người trong

bối cảnh hội nhập, nhưng cũng đặt ra không ít thách thức trong quản lý các mối quan hệ tộc người, nhất là quan hệ xuyên biên giới cũng như quan hệ với quốc gia - dân tộc. Cùng với quá trình phát triển và hội nhập, văn hóa của các tộc người thiểu số Việt Nam ở các tỉnh biên giới với Lào đã, đang và sẽ tiếp tục bị biến đổi, mai một. Bởi vậy, các hướng nghiên cứu này có thể giúp đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm giữ gìn, phát huy các giá trị quý báu của các tộc người □

Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An (2017), *Người Thái ở miền Tây Nghệ An*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Trần Văn Bính (2006), *Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. Lê Hải Đăng (chủ biên, 2019), *Tín ngưỡng, phong tục Thái - Thanh Nghệ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Đỗ Thị Hòa (2008), *Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Phạm Quang Hoan (2011), *Nghiên cứu dân tộc Hmông vùng biên giới Việt Nam - Lào*, Báo cáo đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học.
6. Phạm Quang Hoan (2013), *Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện dân tộc học.
7. Nguyễn Văn Minh (2017), *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Ngân, Tô Thị Thu Trang (2009), *Tìm hiểu văn hóa Giẻ-Triêng, Brâu*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Lê Mai Oanh (2010), *Văn hóa vật chất người Thổ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Bùi Ngọc Quang (2017), “Dân tộc Brâu”, trong: *Các dân tộc ở Việt Nam*, tập 3, *Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
11. Lê Ngọc Thắng (1988), “Trang phục Thái với chức năng xã hội”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 52-57.
12. Trần Hồng Thu và cộng sự (2017), “Dân tộc Xơ-đăng”, trong: *Các dân tộc ở Việt Nam*, tập 3, *Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
13. Vương Xuân Tình (chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười (đồng chủ biên, 2016), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam (Nghiên cứu tại vùng Nam bộ)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Vương Xuân Tình (chủ biên, 2019), *Quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Viện Dân tộc học (2014a), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Viện Dân tộc học (2014b), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Trần Thị Hồng Yến (2017), “Dân tộc Mảng”, trong: *Các dân tộc ở Việt Nam*, tập 3, *Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.